* [**Home**](https://lcdung.wordpress.com/)
* [**Home**](https://lcdung.wordpress.com/)
* [**C++ & C#**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/c-c/)
* [**C++ & C#**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/c-c/)
* [**PHP**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/php/)
* [**PHP**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/php/)
* [**Java**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/java/)
* [**Java**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/java/)
* [**CSDL(Database)**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/csdldatabase/)
* [**CSDL(Database)**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/csdldatabase/)
* [**Chia sẽ**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/chia-s%e1%ba%bd/)
* [**Chia sẽ**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/chia-s%e1%ba%bd/)

[**Tổng hợp những câu lệnh SQL cơ bản**](https://lcdung.wordpress.com/2012/02/27/t%e1%bb%95ng-h%e1%bb%a3p-nh%e1%bb%afng-cau-l%e1%bb%87nh-sql-c%c6%a1-b%e1%ba%a3n/)

**Tháng Hai 27, 2012**

[**Lê Chí Dũng**](https://lcdung.wordpress.com/)[**SQL Server**](https://lcdung.wordpress.com/category/main-nute/csdldatabase/sql-server/)[**cau lenh sql**](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-lenh-sql/)**,**[**câu lệnh cơ bản sql**](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-l%e1%bb%87nh-c%c6%a1-b%e1%ba%a3n-sql/)**,**[**câu lệnh SQL Server**](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-l%e1%bb%87nh-sql-server/)**,**[**sql server**](https://lcdung.wordpress.com/tag/sql-server-2/)[**Để lại bình luận**](https://lcdung.wordpress.com/2012/02/27/t%e1%bb%95ng-h%e1%bb%a3p-nh%e1%bb%afng-cau-l%e1%bb%87nh-sql-c%c6%a1-b%e1%ba%a3n/#respond)

**Tóm tắt các câu lệnh**[**TSQL cơ bản**](http://lcdung.top/2012/02/27/tong-hop-nhung-cau-lenh-sql-co-ban/)**đã học**

**1) Trên cơ sở dữ liệu (database)**

*Các phiên bản của SQL Server: Enterprise, Personal, Desktop, Developer,..*

*Các bộ phận của SQL Server: Enterprise Manager, Query Analyzer, Books Online,..*

*Các loại tập tin của SQL Server: data file (primary, secondary), log file*

*Các loại cơ sở dữ liệu của SQL Server: system database, user database*

**create database: tạo cơ sở dữ liệu**

|  |
| --- |
| create database HoSoSinhViencreate database HoSoSinhVien  on (name=’HSSV\_data’, filename=’c:\HSSV\_data.mdf’)  log on (name=’HSSV\_log’, filename=’c:\HSSV\_log.ldf’) |

**drop database: xóa cơ sở dữ liệu**

|  |
| --- |
| drop database HoSoSinhVien |

**alter database: sửa các thông tin của cơ sở dữ liệu**

|  |
| --- |
| alter database HoSoSinhVienmodify name = HSSV |

**exec sp\_dboption: sửa các thông tin của cơ sở dữ liệu**

|  |
| --- |
| exec sp\_dboption HoSoSinhVien, ‘read only’, ‘true’exec sp\_dboption HoSoSinhVien, ‘autoshrink’, ‘true’  exec sp\_dboption HoSoSinhVien, ‘single\_user’ |

**dbcc: điều khiển cơ sở dữ liệu**

|  |
| --- |
| dbcc shrinkdatabase(HoSoSinhVien, 10) |

**2) Trên bảng (table)**

*Nhớ các kiểu số liệu: text, binary, numberic, money, datetime, bit, variant*

*Nhớ các các ràng buộc: default, check, unique, foreign, primary*

*Nhớ các kiểu toàn vẹn: entity, domain, referential, user*

*Nhớ các thuộc tính bổ trợ: identity, null*

**create table: tạo bảng**

Tạo bảng với các cột

|  |
| --- |
| create table SinhVien (MaSV int,  TenSV nchar(50)  ) |

Tạo với các ràng buộc

|  |
| --- |
| create table SinhVien (MaSV int primary key,  TenSV nvarchar(50) not null,  QueQuan int references DiaPhuong(MaDP)  ) |

**drop table: xóa bảng**

|  |
| --- |
| drop table SinhVien |

**alter table..add: thêm cột**

Thêm cột bằng cách dùng lệnh alter table

|  |
| --- |
| alter table SinhVienadd QueQuan int |

**alter table..drop column: xóa cột**

|  |
| --- |
| alter table SinhVien drop column QueQuan |

**alter table..alter column: thêm thuộc tính not null**

|  |
| --- |
| alter table SinhVienalter column TenSV nchar(50) not null |

**alter table..add primary key: thêm khóa chính**

Thêm ràng buộc khóa chính cần phải biến một cột null thành not null trước khi thêm. Nếu để lệnh chuyển đổi thuộc tính not null ngay cạnh lệnh thêm khóa chính thì phải chèn từ khóa go vào vì có thể lệnh trên chưa được thực hiện do đó lệnh dưới báo lỗi

|  |
| --- |
| alter table SinhVienalter column MaSV int not null  go  alter table SinhVien    add primary key (MaSV) |

**alter table..add foreign key: thêm ràng buộc khóa ngoài**

|  |
| --- |
| alter table SinhVien add foreign key (QueQuan) references DiaPhuong(MaDP) |

**alter table..add default: thêm ràng buộc mặc định**

|  |
| --- |
| alter table SinhVien add default ‘khong ten’ for TenSV |

**exec sp\_help: xem thông tin bảng**

|  |
| --- |
| exec sp\_help SinhVien |

**3)**[**Trên bản ghi**](http://lcdung.top/2012/02/27/tong-hop-nhung-cau-lenh-sql-co-ban/)**(record)**

*Nhớ thêm phần biểu thức điều kiện*

*Nhớ thêm phần ký tự thay thế*

**insert..values: thêm các bản ghi vào bảng**

|  |
| --- |
| insert into SinhVien (MaSV, TenSV, QueQuan)values (1, N’Nguyễn Văn A’, 1) |

**insert..select: thêm các bản ghi từ bảng khác vào bảng**

|  |
| --- |
| insert into DocGiaselect MaSV, TenSV, QueQuan from SinhVien  insert into DocGia  select MaGV, TenGV, QueQuan from GiaoVien |

**select..into: đưa kết quả lựa chọn vào bảng mới**

|  |
| --- |
| select MaSV, TenSV, Dieminto SinhVienKha  from SinhVien  where Diem > 7.0 |

**delete: xóa các bản ghi từ bảng**

|  |
| --- |
| delete from SinhViendelete from SinhVien where MaSV=1234 |

**truncate: xóa toàn bộ bản ghi của bảng**

|  |
| --- |
| truncate table SinhVien |

**update: sửa các bản ghi trong bảng**

|  |
| --- |
| update SinhVienset NhomTruong = 1  where MaSV < 4  update SinhVien  set NhomTruong = 4  where (MaSV > 3 and MaSV < 8) |

**4) Truy vấn (query)**

*Hỗ trợ truy vấn: distinct, top, as, identity*

*Phép toán tập hợp: in, like, between*

*Các hàm tổng nhóm: sum, max, min, avg*

**4.1) Truy vấn đơn giản**

**select \*: Hiện tất cả bảng**

|  |
| --- |
| select \*from SinhVien |

**select: Hiện một số cột**

|  |
| --- |
| select TenSV, DiemTBfrom SinhVien |

**select..where: Hiện một số dòng / bản ghi**

|  |
| --- |
| select TenSV, DiemTBfrom SinhVien  where DiemTB > 6.0 |

**select..order by: Hiện và sắp xếp theo điểm rồi theo tên**

|  |
| --- |
| select TenSV, DiemTBfrom SinhVien  order by DiemTB desc, TenSV asc // asc sắp sếp tăng dần, desc là giảm dần |

**select..distinct: Hiện danh sách giá trị không trùng lặp**

|  |
| --- |
| select distinct QueQuanfrom SinhVien |

**select..top: Hiện các dòng đầu tiên trong bảng**

|  |
| --- |
| select top 3 TenSV, DiemTBfrom SinhVien  order by DiemTB desc, TenSV asc |

**4.2) Truy vấn lồng nhau (nested query)**

**select..where (select)**

Hiện tất cả những người trong bảng nhân viên có lương bằng lương lớn nhất của những người có trong công ty:

|  |
| --- |
| select TenNV, Luongfrom NhanVien  where Luong = (select max(Luong) from NhanVien) |

**select..where (in)**

Hiện tất cả những người trong bảng nhân viên có lương lớn nhất hoặc lớn nhì của những người có trong công ty:.

|  |
| --- |
| select TenNV, Luongfrom NhanVien  where Luong in (select top 2 Luong from NhanVien order by Luong) |

Câu lệnh select trong sẽ tạo ra một tập hai giá trị (top 2) đó là lương lớn nhất và lương lớn nhì. Và câu lệnh select thứ nhất sẽ chọn ra những người mà lương nằm trong tập lớn nhất và lớn nhì

**select..where (in sub)**

Hiện ra tất cả những người có lương lớn nhất phòng của anh ta (không phải lớn nhất trong công ty mà lớn nhất trong phòng hoặc đơn vị mà anh ta thuộc về)

|  |
| --- |
| select nv1.TenNV, nv1.Luongfrom NhanVien as nv1  where nv1.Luong = (select max(Luong) from NhanVien where Phong=nv1.Phong) |

Câu lệnh select trong sẽ trả về giá trị lương lớn nhất nhưng không phải lớn nhất trong toàn công ty mà lớn nhất trong phòng của nv1. Sau đó câu lệnh select ngoài cùng sẽ xác định xem nv1 có được chọn không bằng cách kiểm tra lương anh ta với lương lớn nhất của phòng anh ta.

**4.3) Truy vấn tổng nhóm (subtotal query / grouping query)**

**select..group by: Thống kê theo tiêu chí**

Hiện ra số lượng các nhân viên ứng với từng quê

|  |
| --- |
| select QueQuan, count(\*)from NhanVien    group by QueQuan |

Đếm số nam và số nữ trong công ty

|  |
| --- |
| select GioiTinh, count(\*)from NhanVien  group by GioiTinh |

Tính tổng thu nhập theo từng phòng

|  |
| --- |
| select Phong, sum(Luong)from NhanVien  group by Phong |

**select..having: Hiện ra một số nhóm phù hợp**

Chỉ đếm số lượng người ở Hải Phòng và số lượng người ở Hà nội

|  |
| --- |
| select QueQuan, count(\*)from NhanVien  group by QueQuan  having (QueQuan = ‘HP’, QueQuan = ‘HN’) |

Chỉ hiện ra những phòng nào có tổng thu nhập lớn hơn 500000

|  |
| --- |
| select Phong, sum(Luong)from NhanVien  group by Phong  having sum(Luong) > 5000000 |

Chỉ hiện ra những tỉnh nào có số lượng người lớn hơn 10

|  |
| --- |
| select QueQuan, count(\*)from NhanVien  group by QueQuan    having count(\*) > 10 |

**4.4) Truy vấn liên bảng (cross table query / joining query)**

**select..inner join: ghép các cặp bản ghi thỏa mãn điều kiện**

Ghép bảng nhân viên và hiện ra tên nhân viên và tên địa phương

|  |
| --- |
| select NhanVien.TenNV, DiaPhuong.TenDPfrom NhanVien inner join DiaPhuong onNhanVien.QueQuan = DiaPhuong.MaDP |

**select..left outer join: lấy tất cả phía trái và ghép (nếu có) với phải**

Lấy tất cả những nhân viên kể cả những nhân viên có quê quán không hợp lệ (nghĩa là mã quê quán không có trong bảng địa phương)

|  |
| --- |
| select NhanVien.TenNV, DiaPhuong.TenDPfrom NhanVien left outer join DiaPhuong onNhanVien.QueQuan = DiaPhuong.MaDP |

**select..right outer join: lấy tất cả phía phải và ghép (nếu có) với phía trái**

Lấy tất cả những địa phương ghép với nhân viên, các địa phương không hợp lệ sẽ được ghép với bộ dữ liệu rỗng. Không hiện ra các nhân viên không có mã quê quán phù hợp

|  |
| --- |
| select NhanVien.TenNV, DiaPhuong.TenDPfrom NhanVien right outer join DiaPhuong onNhanVien.QueQuan = DiaPhuong.MaDP |

**select..full outer join: lấy từ hai phía và ghép nếu có**

Lấy tất cả những nhân viên (nếu không có quê quán phù hợp thì ghép với bộ dữ liệu rỗng) và tất cả những địa phương kể cả không có nhân viên.

|  |
| --- |
| select NhanVien.TenNV, DiaPhuong.TenDPfrom NhanVien right outer join DiaPhuong onNhanVien.QueQuan = DiaPhuong.MaDP |

**select..cross join: trả về tất cả các cặp có thể ghép**

Ghép từng nhân viên với tất cả các địa phương. Như vậy nếu có m nhân viên và có n địa phương thì bảng đích sẽ có m\*n dòng. n dòng đầu cho nhân viên thứ nhất ghép với các địa phương. n dòng sau cho nhân viên thứ hai ghép với các địa phương. và tiếp tục như thế tới nhân viên thứ m.

|  |
| --- |
| select NhanVien.TenNV, DiaPhuong.TenDPfrom NhanVien cross join DiaPhuong |

**ref: Tham khảo thêm một số lệnh**

**Xem tất cả các CƠ SỞ DỮ LIỆU người dùng trong MÁY CHỦ**

Mỗi khi một cơ sở dữ liệu được tạo ra, bảng sysdatabase trong cơ sở dữ liệu master sẽ chứa thông tin về bảng mới tạo ra đó. Do vậy chúng ta có thể liệt kê tất cả các cơ sở dữ liệu trong một máy chủ bằng cách liệt kê các bản ghi trong bảng sysdatabase

|  |
| --- |
| select \*from master.dbo.sysdatabases  where sid <> 1 |

**Xem tất cả các BẢNG người dùng trong CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Mỗi khi một bảng được tạo ra trong một cơ sở dữ liệu, thông tin về bảng đó sẽ được chứa trong bảng sysobjects của chính cơ sở dữ liệu chứa bảng vừa tạo. Vì vậy chúng ta có thể xem danh sách các bảng trong cơ sở dữ liệu bằng cách truy vấn bảng sysobjects. Các bảng do người dùng tạo có kiểu là ‘U’

|  |
| --- |
| select \*from Northwind.dbo.sysobjects  where xtype=’U’ |

Trong ví dụ này, chúng ta lấy tất cả các bản ghi bảng sysobjects của cơ sở dữ liệu Northwind nhưng chỉ lấy những bảng người dùng, nghĩa là những bảng có xtype là ‘U’

**Xem tất cả các CỘT thuộc về một BẢNG**

Mỗi khi một cột trong bảng được tạo, bảng syscolumns trong cơ sở dữ liệu sẽ chứa thông tin về cột vừa tạo. Thuộc tính id của cột sẽ chứa định danh của bảng mà cột đó thuộc về. Vì vậy để xem các cột trong một bảng dữ liệu, chúng ta có thể truy vấn bảng syscolumns

|  |
| --- |
| declare @x intset @x = (select id from sysobjects where name=’Employees’)  select \* from syscolumns where id = @x |

Trong ví dụ này, ta khai báo biến @x kiểu int, sau đó lấy id của bảng Employees vào biến @x, rồi ta lấy tất cả các cột trong bảng syscolumns mà có id bằng @x, cũng có nghĩa là id của bảng Employees. Do vậy ta sẽ liệt kê được tất cả các cột trong bảng Employees

**Sử dụng bảng tạm**

Khai báo bảng, cập nhật bảng, và hiện bảng

|  |
| --- |
| declare @x table(MaSV int, TenSV nvarchar(20))insert into @x values(1, N’Thưởng’)  insert into @x values(2, N’Yến’)  select \* from @x |

Khai báo bảng, tải bảng khác từ trong cơ sở dữ liệu lên bảng vừa khai báo, và hiện bảng

|  |
| --- |
| declare @x table(MaSV int, TenSV nvarchar(20))insert into @x     select EmployeeID, firstname  from Northwind.dbo.Employees  select \* from @x |

**Sử dụng biến tạm**

|  |
| --- |
| declare @t moneyset @t = (select max(UnitPrice) from Northwind.dbo.products)  select \* from Northwind.dbo.products where UnitPrice >= @t |

**ref: Các khái niệm cơ bản của cơ sở dữ liệu**

**Các mô hình dữ liệu (data model)**

+ Mô hình thứ bậc (hierarchical)

+ Mô hình mạng lưới (network)

+ Mô hình quan hệ (relational)

**Các vấn đề của lưu trữ**

+ Sự dư thừa (redundance)

+ Sự nhất quán (consistence)

+ Tính toàn vẹn (integrity)

+ Sự an toàn (security)

+ Sự chia sẻ (sharing)

**Các khái niệm cơ bản**

+ Cơ sở dữ liệu (database)

+ Bảng (table) hoặc quan hệ (relation)

+ Bản ghi (record) hoặc dòng (row) hoặc bộ (tuple)

+ Trường (field) hoặc cột (column)

+ Mối quan hệ (relationship) được biểu hiện bằng bảng (table) hoặc khóa (key)

**Mối quan hệ giữa các**

+ Tại sao phải lưu mối quan hệ

+ Phương pháp lưu các mối quan hệ (dùng khóa, dùng bảng)

+ Khóa chính (primary key) và khóa ngoài (foreign key)

+ Vấn đề toàn vẹn tham chiếu (referential integrity)

**Ngôn ngữ định nghĩa và xử lý dữ liệu**

+ Thao tác trên các đối tượng như cơ sở dữ liệu, bảng, cột

+ Phần định nghĩa cơ sở dữ liệu và bảng: create, drop, alter

+ Phần cập nhật dữ liệu: insert, delete, update

+ Phần truy vấn dữ liệu: join, union, projection, selection, sort, group

+ Phần lập trình và thao tác: declare, set, use, go

**ref: Liên quan tới định nghĩa bảng**

**Các vấn đề về toàn vẹn dữ liệu**

+ Toàn vẹn thực thể (entity integrity): primary key, unique, identity

+ Toàn vẹn tham chiếu (referential integrity): foreign key, check

+ Toàn vẹn miền dữ liệu (domain integrity): default, foreign key, check, not null

+ Toàn vẹn người dùng (user integrity): rules, stored procedures, triggers

**Các hỗ trợ với toàn vẹn**

+ Ràng buộc kiểm tra (check constraint): phải thỏa mãn điều kiện nào đó

+ Ràng buộc mặc định (default constraint): phải có một giá trị mặc định

+ Ràng buộc duy nhất (unique constraint): các giá trị trong cột không được trùng lặp

+ Ràng buộc khóa ngoài (foreign key constraint): các giá trị phải hợp lệ với cột khóa chính tương ứng

+ Ràng buộc khóa chính (primary key constraint): phải duy nhất và không trống

+ Thuộc tính định danh (identity property): có thể được tăng tự động

+ Thuộc tính không trống (not null property): không được phép để trống

**Các kiểu dữ liệu**

Giá trị nhị phân: bit

Các số nguyên: bigint, int, smallint, tinyint

Các số thực xấp xỉ: float, real

Giá trị số thực chính xác: decimal, numberic

Giá trị tiền tệ: money, smallmoney

Giá trị hời gian: datetime, smalldatetime

Các chuỗi: char, varchar, text, nchar, nvarchar, ntext,

Các chuỗi nhị phân: binary, varbinary, image

Các kiểu khác: cursor, table, variant, timestamp, uniqueidentifier

***(***[***lcdung.top***](http://lcdung.top/2012/02/27/tong-hop-nhung-cau-lenh-sql-co-ban/)***)***

Top of Form



Bottom of Form

**Bài viết mới**

* [**Giới thiệu Web service – SOAP, WSDL và ASP.NET Web Service cơ bản**](https://lcdung.wordpress.com/2014/06/25/gioi-thieu-web-service-soap-wsdl-va-asp-net-web-service-co-ban/)
* [**Thói quen viết code an toàn trong khi xây dụng ứng dụng PHP**](https://lcdung.wordpress.com/2014/06/15/thoi-quen-viet-code-an-toan-trong-khi-xay-dung-ung-dung-php/)
* [**{TUT} Dùng memcache cho cakephp 2.x và ví dụ cụ thể**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/18/huong-dan-dung-memcache-cho-cakephp-2-x-va-vi-du-cu-the/)
* [**{TUT} Cài đặt Memcache cho xampp trên nền php 5.4.x**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/18/huong-dan-setup-memcache-cho-xampp-tren-nen-php-5-4-x/)
* [**{TUT} Tích hợp Plugin PAYPAL vào CAKEPHP 2.X**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/18/tich-hop-plugin-paypal-vao-cakephp-2-x/)
* [**{TUT} Cài đặt Mongodb trên Windows và Ubuntu**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/17/mongodb-cach-cai-dat-tren-windows-va-ubuntu/)
* [**{TUT} Multi upload ajax trong cakephp chạy được trên các ver 1.x -> 2.3 }^.^{**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/02/huong-dan-multi-upload-ajax-trong-cakephp-chay-duoc-tren-cac-ver-1-x-2-3/)
* [**Phần 2: Bắt đầu với source code cakephp mẫu.**](https://lcdung.wordpress.com/2013/06/27/phan-2-bat-dau-voi-source-code-cakephp-mau/)
* [**Phần 1: Mới tiếp cận cakephp**](https://lcdung.wordpress.com/2013/06/18/phan-1-moi-tiep-can-cakephp/)
* [**WAMP Server**](https://lcdung.wordpress.com/2013/06/16/wamp-server/)

**Lưu trữ**

* [**Tháng Sáu 2014**](https://lcdung.wordpress.com/2014/06/)
* [**Tháng Bảy 2013**](https://lcdung.wordpress.com/2013/07/)
* [**Tháng Sáu 2013**](https://lcdung.wordpress.com/2013/06/)
* [**Tháng Hai 2012**](https://lcdung.wordpress.com/2012/02/)

**Từ khóa nổi bật**

[10 điều](https://lcdung.wordpress.com/tag/10-di%e1%bb%81u/) [24 điều](https://lcdung.wordpress.com/tag/24-di%e1%bb%81u/) [ajax](https://lcdung.wordpress.com/tag/ajax/) [an toàn php](https://lcdung.wordpress.com/tag/an-toan-php/) [cakephp](https://lcdung.wordpress.com/tag/cakephp/)[cau lenh sql](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-lenh-sql/) [cho](https://lcdung.wordpress.com/tag/cho/) [co ban](https://lcdung.wordpress.com/tag/co-ban/) [conceptual level](https://lcdung.wordpress.com/tag/conceptual-level/) [config](https://lcdung.wordpress.com/tag/config/) [controller](https://lcdung.wordpress.com/tag/controller/)[core](https://lcdung.wordpress.com/tag/core/) [CSDL](https://lcdung.wordpress.com/tag/csdl/) [câu lệnh cơ bản sql](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-l%e1%bb%87nh-c%c6%a1-b%e1%ba%a3n-sql/) [câu lệnh SQL Server](https://lcdung.wordpress.com/tag/cau-l%e1%bb%87nh-sql-server/) [gioi thieu c# vs .net](https://lcdung.wordpress.com/tag/gioi-thieu-c-vs-net/) [gioi thieu ve Java](https://lcdung.wordpress.com/tag/gioi-thieu-ve-java/) [giới thiệu chung Oracle](https://lcdung.wordpress.com/tag/gi%e1%bb%9bi-thi%e1%bb%87u-chung-oracle/)[Hệ quản trị CSDL](https://lcdung.wordpress.com/tag/h%e1%bb%87-qu%e1%ba%a3n-tr%e1%bb%8b-csdl/) [Java](https://lcdung.wordpress.com/tag/java/) [khi](https://lcdung.wordpress.com/tag/khi/) [khung](https://lcdung.wordpress.com/tag/khung/) [lãng phí](https://lcdung.wordpress.com/tag/lang-phi/)[memcache](https://lcdung.wordpress.com/tag/memcache/) [model](https://lcdung.wordpress.com/tag/model/) [mongodb](https://lcdung.wordpress.com/tag/mongodb/) [multi upload ajax](https://lcdung.wordpress.com/tag/multi-upload-ajax/)[MySQL](https://lcdung.wordpress.com/tag/mysql/) [NoSQL](https://lcdung.wordpress.com/tag/nosql/) [php](https://lcdung.wordpress.com/tag/php-2/) [Phân tán](https://lcdung.wordpress.com/tag/phan-tan/) [plugin](https://lcdung.wordpress.com/tag/plugin/) [plugin paypal](https://lcdung.wordpress.com/tag/plugin-paypal/)[quay](https://lcdung.wordpress.com/tag/quay/) [sql server](https://lcdung.wordpress.com/tag/sql-server-2/) [thói quen viết code php](https://lcdung.wordpress.com/tag/thoi-quen-viet-code-php/) [trung tâm](https://lcdung.wordpress.com/tag/trung-tam/) [tuổi trẻ](https://lcdung.wordpress.com/tag/tu%e1%bb%95i-tr%e1%ba%bb/)[tính năng mới trong Oracle 9i](https://lcdung.wordpress.com/tag/tinh-nang-m%e1%bb%9bi-trong-oracle-9i/) [view](https://lcdung.wordpress.com/tag/view/) [wampserver](https://lcdung.wordpress.com/tag/wampserver/) [ý nghĩa số 1](https://lcdung.wordpress.com/tag/y-nghia-s%e1%bb%91-1/)

**Danh mục**

Danh mục                         

[Tạo một website miễn phí hoặc 1 blog với WordPress.com.](https://wordpress.com/?ref=footer_website)

[The Notepad Theme](https://wordpress.com/themes/notepad/).

:)